

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG LOẠI KHÁ
"HỌC TẬP TỐT - RÈN LUYỆN TỐT" NĂM HỌC 2017-2018

(Kèm theo quyết định số: 343/QĐ-DSG-TĐKT ngày 26 tháng 10 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
Khoa Cơ khí							
1	DH11500184	Tăng Hào	Cơ	D15_CDT01	8.06	78	
2	DH11500371	Huỳnh Thái	Hòa	D15_CDT02	7.34	84	
3	DH11500594	Lưu Gia	Mẫn	D15_CDT02	7.37	85	
4	DH11501170	Chung Hải	Triều	D15_CDT03	7.42	99	
5	DH11502059	Lâm Chí	Công	D15_CDT04	7.12	74	
6	DH11502061	Nguyễn Đăng	Khoa	D15_CDT04	7.17	80	
7	DH11502066	Ngô Phúc	Lợi	D15_CDT04	7.35	82	
8	DH11600314	Nguyễn Ngọc	Thành	D16_CDT01	7.66	80	
9	DH11601059	Vương Sinh	Trí	D16_CDT01	7.99	79	
10	DH11602211	Nguyễn Hữu Thanh	Tuấn	D16_CDT01	7.60	80	
11	DH11602910	Ngô Cao	Bằng	D16_CDT02	7.92	87	
12	DH11703545	Nguyễn Văn	Khánh	D17_CDT02	7.39	77	
13	DH11702471	Nguyễn Văn	Vinh	D17_CDT04	7.17	67	
Khoa Công nghệ thực phẩm							
1	DH61500697	Lâm Phạm Gia	Hòa	D15_TP02	7.03	85	
2	DH61502249	Đặng Thị Thanh	Tuyền	D15_TP02	7.51	86	
3	DH61502037	Hồ Thị Thanh	Thúy	D15_TP06	7.12	79	
4	DH61600421	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	D16_TP01	7.43	80	
5	DH61601486	Nguyễn Thị Lan	Anh	D16_TP02	7.34	80	
6	DH61601480	Trần Tấn	Linh	D16_TP02	7.08	89	
7	DH61601467	Nguyễn Thị Kim	Phượng	D16_TP02	7.15	87	
8	DH61602343	Trần Hoàng	Đức	D16_TP03	7.35	85	
9	DH61600897	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	D16_TP04	7.41	71	
10	DH61601687	Trần Thị Cẩm	Xuân	D16_TP05	7.00	73	
11	DH61603972	Phan Minh	Hoàng	D16_TP06	7.49	81	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
12	DH61704989	Trần Phương	Giao	D17_TP03	7.93	91	
13	DH61703858	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	D17_TP03	7.79	73	
14	DH61704090	Nguyễn Minh	Tài	D17_TP03	7.17	83	
15	DH61702574	Lê Thị Anh	Thư	D17_TP03	7.02	73	
16	DH61703111	Nguyễn Hồng	Ân	D17_TP04	7.63	71	
17	DH61703789	Võ Thị Thanh	Ngân	D17_TP04	7.28	75	
18	DH61703907	Nguyễn Ngọc Thảo	Như	D17_TP04	7.16	73	
19	DH61704849	Hồng Bình	Phong	D17_TP04	7.75	71	
20	DH61704108	Tô Ngọc	Thế	D17_TP04	7.86	88	

Khoa Công nghệ thông tin

1	DH51500089	Đỗ Dương Tấn	Sang	D15_TH01	7.12	84	
2	DH51301149	Hứa Hoàng Minh	Thông	D15_TH01	8.14	75	
3	DH51500221	Lưu Đạt	Phát	D15_TH02	7.88	75	
4	DH51500219	Bùi Tín	Quyển	D15_TH02	7.41	73	
5	DH51500218	Ngô Minh	Tuấn	D15_TH02	7.23	71	
6	DH51500875	Phan Minh	Triết	D15_TH05	7.97	83	
7	DH51501213	Trần Khải	Nguyên	D15_TH06	7.61	77	
8	DH51500915	Nguyễn Thị	Thắm	D15_TH06	7.90	90	
9	DH51500907	Nguyễn Minh	Trưởng	D15_TH06	7.32	77	
10	DH51500935	Nguyễn Kim	Huy	D15_TH07	7.70	78	
11	DH51502114	Nguyễn Ngọc	Khánh	D15_TH09	7.60	91	
12	DH51502239	Hứa Trần Đăng	Khoa	D15_TH09	7.87	89	
13	DH51502109	Trần Ngọc Đăng	Nguyên	D15_TH09	7.56	95	
14	DH51502036	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	D15_TH09	7.16	92	
15	DH51502236	Huỳnh Phúc	Thiện	D15_TH09	7.28	76	
16	DH51502235	Nguyễn Minh	Trí	D15_TH09	7.89	85	
17	DH51502357	Nguyễn Văn	Trưởng	D15_TH09	7.62	84	
18	DH51502354	Huỳnh Nguyễn Tường Vy		D15_TH09	7.80	85	
19	DH51501553	Bùi Minh	Hoàng	D15_TH10	7.35	88	
20	DH51501245	Thiếu Hoàng	Nhân	D15_TH10	7.18	87	
21	DH51501555	Trần Xuân	Vinh	D15_TH10	7.26	88	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
22	DH51600369	Hứa Đức	Lượng	D16_TH01	7.03	80	
23	DH51600372	Đỗ Minh	Tâm	D16_TH01	7.52	78	
24	DH51600244	Nguyễn Hoàng	Thiện	D16_TH01	7.47	85	
25	DH51600761	Nguyễn Tấn	Lộc	D16_TH02	7.16	76	
26	DH51600566	Đào Thiên	Phúc	D16_TH02	7.35	76	
27	DH51601700	Nguyễn Đắc	Chí	D16_TH03	7.65	78	
28	DH51601063	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	D16_TH03	7.18	76	
29	DH51601193	Nguyễn Hoàng	Hải	D16_TH03	7.78	79	
30	DH51601600	Từ Chí	Thành	D16_TH03	7.23	75	
31	DH51602964	Lâm Đức	Hải	D16_TH06	7.36	77	
32	DH51602519	Lại Trần Minh	Hiếu	D16_TH06	7.52	79	
33	DH51602754	Ngô Võ Minh	Vương	D16_TH06	7.07	70	
34	DH51603855	Nguyễn Minh	Nhật	D16_TH10	7.40	82	
35	DH51603902	Hồng Thuận	Phát	D16_TH10	7.39	81	
36	DH51603772	Võ Thị Duyên	Thanh	D16_TH10	7.50	77	
37	DH51700402	Trần Quốc	Hùng	D17_TH01	7.56	72	
38	DH51702593	Nguyễn Văn	Toàn	D17_TH02	7.17	79	
39	DH51700412	Đỗ Phương	Đô	D17_TH03	7.46	80	
40	DH51701002	Trịnh Gia	Lệ	D17_TH03	7.98	72	
41	DH51700758	Nguyễn Đình	Tài	D17_TH03	7.40	71	
42	DH51700411	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	D17_TH03	7.36	81	
43	DH51705084	Nguyễn Hữu	Bình	D17_TH04	7.37	69	
44	DH51700075	Đặng Hiền	Chí	D17_TH04	7.43	74	
45	DH51704984	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D17_TH05	7.73	65	
46	DH51703249	Phan Thành	Duy	D17_TH07	8.06	72	
47	DH51705101	Trần Thị Ngọc	Nhật	D17_TH07	7.43	69	
48	DH51703886	Lê Quang	Nhật	D17_TH07	8.43	66	
49	DH51703353	Lý Nhật	Hào	D17_TH08	8.55	71	
50	DH51703397	Nguyễn Trung	Hiếu	D17_TH08	7.09	66	
51	DH51703677	Trần Minh	Long	D17_TH08	8.08	71	
52	DH51703754	Trần Hoài	Nam	D17_TH08	8.61	65	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
53	DH51703849	Quách Trọng	Nhân	D17_TH08	7.10	67	
54	DH51703846	Lê Trí	Nhân	D17_TH08	8.21	65	
55	DH51703996	Trương Hải Hoàng	Phương	D17_TH08	7.66	69	
56	DH51704095	Đoàn Văn Duy	Tâm	D17_TH08	8.24	74	
57	DH51703236	Lê	Duy	D17_TH09	7.57	77	
58	DH51703451	Tô Siêu	Huệ	D17_TH09	7.58	74	
59	DH51703617	Phan Hoàng	Lộc	D17_TH09	7.95	78	
60	DH51704858	Phạm Trần Thanh	Thuận	D17_TH09	7.70	78	
61	DH51704265	Phan Nguyễn Hoài	Thương	D17_TH09	8.10	75	
62	DH51704422	Trần Vũ	Trưởng	D17_TH09	7.86	77	
63	DH51704846	Lê Hứa Thị	Tuyết	D17_TH09	8.08	78	
64	DH51703270	Trình Mỹ	Duyên	D17_TH10	7.26	68	
65	DH51704897	Nguyễn Hữu Tấn	Lộc	D17_TH10	7.49	68	

Khoa Điện - Điện tử

1	DH31400961	Văn Công	Phương	D15_DDT01	7.27	97	
2	DH31500375	Cao Minh	Thông	D15_DDT01	7.03	85	
3	DH31500202	Trương Chiêu	Thông	D15_DDT01	7.10	89	
4	DH31501189	Trần Quốc	Tiến	D15_DDT02	7.16	97	
5	DH31501478	Nguyễn Thành	Hung	D15_DDT03	7.85	91	
6	DH31501974	Trần Phương	Kha	D15_DDT03	7.69	89	
7	DH31501975	Trần Phương	Khánh	D15_DDT03	7.89	93	
8	DH31502023	Nguyễn Lương Hoàng	Liêm	D15_DDT04	7.32	86	
9	DH31502083	Phan Quý	Lời	D15_DDT04	7.39	85	
10	DH31502076	Trần Ngọc	Luận	D15_DDT04	7.07	85	
11	DH31502075	Lê Hoàng	Minh	D15_DDT04	7.16	88	
12	DH31501982	Lê Thanh	Phong	D15_DDT04	7.29	84	
13	DH31502082	Phạm Thanh	Tùng	D15_DDT04	7.59	85	
14	DH31502324	Lê Châu	Khải	D15_DDT05	7.99	88	
15	DH31502199	Lê Anh	Tuấn	D15_DDT05	7.57	86	
16	DH31502336	Trương Nguyễn	Anh	D15_DDT06	7.06	76	
17	DH31502439	Phạm Thái	Châu	D15_DDT06	7.42	91	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
18	DH31502536	Nguyễn Đức	Nhân	D15_DDT06	7.64	90	
19	DH31502440	Đặng Võ Ti	Phông	D15_DDT06	7.64	92	
20	DH31502437	Võ Duy	Thịnh	D15_DDT06	7.90	90	
21	DH31502535	Cao Tấn	Tiến	D15_DDT06	7.64	86	
22	DH31502438	Nguyễn Đức	Tin	D15_DDT06	7.02	84	
23	DH41501196	Lê Hoàng	Đức	D15_VT01	7.69	77	
24	DH41502345	Lê Huỳnh	Long	D15_VT01	7.22	88	
25	DH41502232	Nguyễn Anh	Nhật	D15_VT01	7.47	77	
26	DH41500867	Lê Hoàng	Phúc	D15_VT01	7.36	85	
27	DH41500211	Nguyễn Hồng	Phúc	D15_VT01	7.19	71	
28	DH41502218	Nguyễn Đức	Toàn	D15_VT01	7.34	77	
29	DH41502224	Lê Thị Linh	Truyền	D15_VT01	7.02	73	
30	DH41502084	Lê Phước	Tường	D15_VT01	7.23	80	
31	DH41502102	Nguyễn Đức	Anh	D15_VT02	7.26	78	
32	DH41501874	Nguyễn Chí	Cường	D15_VT02	7.38	76	
33	DH41502035	Phạm Ngọc	Đang	D15_VT02	7.01	84	
34	DH41502448	Bùi Đoàn	Long	D15_VT02	7.32	83	
35	DH41502555	Vũ Hồng	Nam	D15_VT02	7.15	80	
36	DH41502107	Bùi Vũ Ngọc	Quyên	D15_VT02	7.23	91	
37	DH41502351	Phan Văn Minh	Tiến	D15_VT02	7.07	94	
38	DH41502444	Nguyễn Thị Thu	Trà	D15_VT02	7.45	78	
39	DH31600530	Nguyễn Hải	Đăng	D16_DDT01	7.77	70	
40	DH31600118	Tăng Anh	Duy	D16_DDT01	7.64	76	
41	DH31603453	Nguyễn Đình	Liêm	D16_DDT02	7.62	74	
42	DH31601518	Lê Tấn	Linh	D16_DDT02	7.75	79	
43	DH31602307	Nguyễn Văn	Phong	D16_DDT02	7.08	80	
44	DH31604019	Võ Đình	Thuyền	D16_DDT02	7.22	80	
45	DH41601386	Võ Nhật	Cường	D16_VT01	7.95	84	
46	DH41600309	Trần Ngọc Thanh	Nhi	D16_VT01	7.91	84	
47	DH41600155	Dương Nguyên	Phước	D16_VT01	7.85	82	
48	DH41600629	Nguyễn Đức	Việt	D16_VT01	7.34	86	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
49	DH31701053	Nguyễn Hồng	Đức	D17_DDT01	7.07	75	
50	DH31700447	Lê Văn	Giàu	D17_DDT01	7.58	78	
51	DH31701586	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Sang	D17_DDT01	7.34	69	
52	DH31702498	Phạm Phan Quốc	Bảo	D17_DDT02	7.17	72	
53	DH31703684	Nguyễn Hoàng	Luân	D17_DDT03	7.60	67	
54	DH31702298	Đỗ Trung	Thắng	D17_DDT04	7.60	68	
55	DH31704281	Trần Minh	Tiến	D17_DDT04	7.18	67	
56	DH41704804	Nguyễn Cường	Huỳnh	D17_VT01	7.63	79	
57	DH41704444	Lê Thái	Tuấn	D17_VT01	7.17	70	

Khoa Design

1	CD91601706	Trần Nhật	Bảo	C16_MT3DH	7.24	70	
2	DH91500561	Nguyễn Thị Lam	Anh	D15_MT1TD	7.55	82	
3	DH91501148	Nguyễn Thanh	Lộc	D15_MT1TD	7.41	75	
4	DH91501797	Nguyễn Thiện	Minh	D15_MT1TD	7.64	66	
5	DH91500354	Trần Nguyễn Minh	Thư	D15_MT1TD	7.13	75	
6	DH91502589	Nguyễn Trần	Vĩnh	D15_MT1TD	7.16	74	
7	DH91500560	Trương Thiên	Hào	D15_MT2TT	7.19	84	
8	DH91501141	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	D15_MT2TT	7.24	84	
9	DH91501803	Nguyễn Thị Minh	Thy	D15_MT2TT	7.64	89	
10	DH91501142	Trương Lâm Cẩm	Tú	D15_MT2TT	7.26	87	
11	DH91501143	Đỗ Truy	Bảo	D15_MT3DH	7.68	76	
12	DH91501793	Trần Dạ Minh	Châu	D15_MT3DH	7.77	88	
13	DH91502043	Mai Kim	Cúc	D15_MT3DH	7.83	75	
14	DH91501801	Đào Duy	Đông	D15_MT3DH	7.35	69	
15	DH91501157	Nguyễn Thế	Hiền	D15_MT3DH	7.99	81	
16	DH91502287	Nguyễn Thái Như	Huỳnh	D15_MT3DH	7.12	79	
17	DH91501152	Võ Trọng	Khang	D15_MT3DH	7.21	79	
18	DH91502587	Hứa Đình Văn	Khanh	D15_MT3DH	7.10	82	
19	DH91501402	Nguyễn Hải	My	D15_MT3DH	7.05	78	
20	DH91501789	Lê Châu Anh	Nguyễn	D15_MT3DH	7.00	79	
21	DH91502286	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	D15_MT3DH	7.27	76	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
22	DH91502285	Phan Thị ánh	Phượng	D15_MT3DH	7.80	78	
23	DH91502386	Phạm Hồng	Quân	D15_MT3DH	7.63	76	
24	DH91501802	Lương Thanh	Quỳnh	D15_MT3DH	7.35	84	
25	DH91501948	Huỳnh Thị Ngọc	Thảo	D15_MT3DH	7.79	82	
26	DH91501800	Trần Văn	Thảo	D15_MT3DH	7.10	73	
27	DH91501137	Phạm Thụy Mai	Thy	D15_MT3DH	7.42	71	
28	DH91501861	Lê Nguyễn Ngọc	Trang	D15_MT3DH	7.27	80	
29	DH91500795	Nguyễn Thành	Đạt	D15_MT4NT	7.00	72	
30	DH91500793	Đặng Nguyễn Khánh	Quỳnh	D15_MT4NT	7.74	82	
31	DH91502150	Trần Lộc	Son	D15_MT4NT	7.67	72	
32	DH91500355	Nguyễn Hoàng Mỹ	Tiên	D15_MT4NT	7.80	83	
33	DH91501862	Võ Thúy	Tiên	D15_MT4NT	7.56	74	
34	DH91500563	Thái Bảo	Trần	D15_MT4NT	7.87	82	
35	DH91600528	Vương Mỹ	Kiều	D16_MT2TT	7.57	79	
36	DH91600192	Võ Thành	Đặng	D16_MT3DH	7.57	75	
37	DH91501379	Nguyễn Trung	Hậu	D16_MT3DH	7.91	85	
38	DH91602372	Nguyễn Thanh Phước	Hưng	D16_MT3DH	7.93	84	
39	DH91603273	Trần Đức	Thắng	D16_MT3DH	7.46	65	
40	DH91600691	Vũ Lê Tường	Vi	D16_MT3DH	7.16	76	
41	DH91602587	Nguyễn Thị	Hồng	D16_MT4NT	7.41	81	
42	DH91600559	Nguyễn Ngọc Lưu	Luyến	D16_MT4NT	7.44	74	
43	DH91601513	Vân Thị Bích	Nhi	D16_MT4NT	7.67	78	
44	DH91603765	Phạm Thị Thanh	Thảo	D16_MT4NT	7.65	79	
45	DH91603500	Lê Công Duy	Tính	D16_MT4NT	7.28	77	
46	DH91601066	Hà Huỳnh Bảo	Trung	D16_MT4NT	7.56	80	
47	DH91701756	Nguyễn Thị Thanh	Nga	D17_TK2TT	7.19	68	
48	DH91704216	Nguyễn Trí	Thông	D17_TK2TT	7.45	75	
49	DH91702890	Hà Hữu	Tiến	D17_TK2TT	7.17	68	
50	DH91703272	Huỳnh Thị Thùy	Dương	D17_TK3DH	7.91	86	
51	DH91704299	Nguyễn Hồng Minh	Tấn	D17_TK3DH	7.03	65	
52	DH91702137	Phạm Hoàng	Thiện	D17_TK3DH	7.17	65	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
53	DH91700017	Nông Ngọc Y	Trình	D17_TK3DH	8.10	74	
54	DH91700719	Hà Minh	Tường	D17_TK3DH	7.74	74	
55	DH91701133	Nguyễn Lam	Thảo	D17_TK4NT	7.30	69	
Khoa Quản trị kinh doanh							
1	CD71600727	Huỳnh Lưu Thảo	Châu	C16_KT01	7.00	75	
2	DH71500026	Lê Thúy	Hằng	D15_KD01	7.22	84	
3	DH71500121	Trần Kiến	Hào	D15_KD01	7.45	83	
4	DH71500040	Bài Anh	Thư	D15_KD01	7.18	81	
5	DH71500028	Lâm Đỗ Thanh	Trúc	D15_KD01	7.81	84	
6	DH71501377	Huỳnh Bảo	Hân	D15_KD02	7.87	82	
7	DH71500489	Lê Quang	Hùng	D15_KD02	7.33	81	
8	DH71500531	Nguyễn Tấn Anh	Kiệt	D15_KD02	7.06	81	
9	DH71500494	Nguyễn La Mai	Lan	D15_KD02	7.28	84	
10	DH71500299	Nguyễn Ngọc Phương	Mai	D15_KD02	7.23	83	
11	DH71500308	Phạm Ngọc Thanh	Nhân	D15_KD02	7.09	85	
12	DH71500720	Vô Bảo	Phú	D15_KD03	7.14	88	
13	DH71501663	Vô Thị Ngọc	Mỹ	D15_KD04	7.56	76	
14	DH71501705	Mai Ngọc Bảo	Thanh	D15_KD04	7.29	74	
15	DH71501643	Lê Thị Mỹ	Thu	D15_KD04	7.47	76	
16	DH71501354	Phạm Ngọc Minh	Hiếu	D15_KD05	7.14	78	
17	DH71501344	Trần Thị Thanh	Hường	D15_KD05	7.34	89	
18	DH71501331	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	D15_KD05	7.38	79	
19	DH71502372	Trịnh Thị Thùy	Dung	D15_KD06	7.59	94	
20	DH71502258	Phan Quốc Kỳ	Duyên	D15_KD06	7.40	78	
21	DH71501725	Nguyễn Thị Trúc	Huyền	D15_KD06	8.04	77	
22	DH71501079	Lê Thị Ngọc	Lan	D15_KD06	7.06	75	
23	DH71501734	Mi	Na	D15_KD06	7.67	82	
24	DH71501760	Trần Thị Kim	Oanh	D15_KD06	7.96	83	
25	DH71501738	Lý Ngọc	Trâm	D15_KD06	7.89	77	
26	DH71501089	Huỳnh Thị Thu	Trình	D15_KD06	7.88	74	
27	DH71502255	Trương Lê Hồng	Vân	D15_KD06	7.63	88	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
28	DH71500493	Trần Ngọc Hồng	Phượng	D15_MAR01	7.06	65	
29	DH71500492	Huỳnh Tường	Vi	D15_MAR01	7.23	71	
30	DH71501346	Lê Thị Thanh	Vân	D15_MAR02	7.51	70	
31	DH71500305	Nguyễn Minh	Xuân	D15_MAR02	7.34	82	
32	DH71500750	Thái Liên	Kim	D15_MAR03	7.31	85	
33	DH71500746	Bùi Thị Thanh	Như	D15_MAR03	7.00	79	
34	DH71500768	Trần Thị Kim	Thảo	D15_MAR03	7.52	83	
35	DH71500538	Trịnh Nguyễn Ngọc	Trâm	D15_MAR03	7.61	89	
36	DH71501872	Nguyễn ánh	Dương	D15_MAR05	7.39	74	
37	DH71502369	Nguyễn Thị Thu	Hoài	D15_MAR05	7.85	71	
38	DH71501106	Mai Ngọc	Huyền	D15_MAR05	7.14	71	
39	DH71501999	Lý Hồng	Vy	D15_MAR05	7.15	74	
40	DH71501075	Hà Thị Thu	Diệu	D15_MAR06	7.07	76	
41	DH71501048	Đoàn Tuấn	Thông	D15_MAR06	7.61	83	
42	DH71502570	Bùi Thị Thanh	Trúc	D15_MAR06	7.08	94	
43	DH71500542	Nguyễn Thanh	Hoàng	D15_TC01	7.69	92	
44	DH71500477	Phạm Bùi Ngọc	Huyền	D15_TC01	7.35	88	
45	DH71500320	Phạm Thị Thu	Huyền	D15_TC01	7.92	73	
46	DH71500497	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D15_TC01	7.58	85	
47	DH71500321	Trần Minh	Lộc	D15_TC01	7.66	83	
48	DH71500038	Nguyễn Trần Thanh	Nhã	D15_TC01	7.37	90	
49	DH71500335	Nguyễn Dũng Kim	Phụng	D15_TC01	7.23	78	
50	DH71500120	Phạm Duy	Tân	D15_TC01	7.52	92	
51	DH71500039	Huỳnh Đỗ Kiều	Trâm	D15_TC01	7.50	89	
52	DH71500032	Trần Thị Kim	Yến	D15_TC01	8.32	79	
53	DH71502136	Quang Phụng Hoàng	Đan	D15_TC02	7.53	75	
54	DH71501744	Lê Nguyệt	Hằng	D15_TC02	7.77	79	
55	DH71501097	Trần Tú	Liên	D15_TC02	7.36	81	
56	DH71501940	Phạm Thị Kim	Mỹ	D15_TC02	7.08	84	
57	DH71502373	Nguyễn Hạnh	Phúc	D15_TC02	7.48	84	
58	DH71502478	Tô Thị Bích	Phượng	D15_TC02	7.32	80	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
59	DH71502475	Đoàn Ngọc Diễm	Quỳnh	D15_TC02	7.27	73	
60	DH71600952	Mai Thị Tuyết	Vân	D16_QT03	8.24	78	
61	DH71601048	Huỳnh Trọng	Tấn	D16_QT04	7.06	73	
62	DH71601535	Lê Hà Hồng	Giang	D16_QT05	7.10	71	
63	DH71602241	Mai Thị Kim	Thùy	D16_QT06	7.19	68	
64	DH71602626	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	D16_QT07	7.72	94	
65	DH71602682	Ngô Thị Thanh	Xuân	D16_QT07	7.27	83	
66	DH71600561	Cao Thị Thu	Thảo	D16_QT09	7.38	81	
67	DH71601891	Võ Thiên	Lý	D16_QT10	7.23	71	
68	DH71602369	Nguyễn Mỹ	Nhà	D16_QT10	7.25	74	
69	DH71600502	Phạm Thị Minh	Thư	D16_QT10	7.12	76	
70	DH71602567	Ngô Thị Tây	Trúc	D16_QT10	7.03	86	
71	DH71602670	Huỳnh Như Hiếu	Kiên	D16_QT11	7.28	77	
72	DH71602869	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	D16_QT12	7.09	70	
73	DH71602664	Hồ Diễm	Phúc	D16_QT12	7.76	79	
74	DH71602892	Nguyễn Thị	Hiệp	D16_QT15	7.62	83	
75	DH71603683	Nguyễn Trương Minh	Tâm	D16_QT15	7.33	75	
76	DH71603871	Trần Thị Chúc	Linh	D16_QT16	7.03	71	
77	DH71604167	Nguyễn Huỳnh	Tân	D16_QT16	8.09	76	
78	DH71705263	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D17_QT01	7.35	75	
79	DH71701157	Nguyễn Nhật	Minh	D17_QT02	7.39	79	
80	DH71704203	Phạm Ngọc Xuân	Thảo	D17_QT02	7.48	74	
81	DH71705216	Lê Thị	Thùy	D17_QT04	7.20	76	
82	DH71703636	Lê Nhật	Linh	D17_QT05	7.05	66	
83	DH71704987	Lê Thị Bích	Loan	D17_QT06	7.56	67	
84	DH71701816	Lê Hữu	Nhật	D17_QT06	7.59	67	
85	DH71704828	Trương Ngọc	ánh	D17_QT07	7.71	73	
86	DH71703522	Nguyễn Thị Xuân	Hương	D17_QT08	7.63	83	
87	DH71704504	Trịnh Hà Tú	Uyên	D17_QT08	7.28	86	
88	DH71703330	Lê Thị Lam	Giang	D17_QT09	7.37	77	
89	DH71703497	Đỗ Ngọc	Huyền	D17_QT09	7.15	75	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
90	DH71705008	Nguyễn Thị	Lưu	D17_QT09	8.02	76	
91	DH71703759	Trần Nguyệt	Nga	D17_QT09	7.10	74	
92	DH71703794	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D17_QT09	7.62	75	
93	DH71704068	Lê Tấn	Sơn	D17_QT09	7.43	75	
94	DH71704330	Ngô Thị Thùy	Trang	D17_QT09	8.56	74	
95	DH71704557	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	D17_QT09	7.33	81	
96	DH71704551	Bùi Khánh	Vy	D17_QT09	7.29	71	
97	DH71704818	Trần Quyên Chung	Chi	D17_QT09	7.81	82	
98	DH71704872	Nguyễn Lê Xuân	Hoa	D17_QT10	7.68	74	
99	DH71703593	Võ Thúy	Kiều	D17_QT10	7.51	72	
100	DH71704019	Lý Nhơn	Qui	D17_QT10	7.59	78	
101	DH71704091	Nguyễn Phát	Tài	D17_QT10	7.04	73	
102	DH71704374	Nguyễn Lê Phương	Trinh	D17_QT10	7.55	79	
103	DH71705262	Nguyễn Trường	Đạt	D17_QT11	7.33	83	
104	DH71703472	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	D17_QT11	7.14	76	
105	DH71703650	Phạm Thị Ngọc	Linh	D17_QT11	7.24	76	
106	DH71704947	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	D17_QT11	7.04	82	
107	DH71704225	Lê Thị Ngọc	Thu	D17_QT11	7.12	87	
108	DH71704522	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D17_QT11	7.19	73	
109	DH71703224	Bùi Chí	Dũng	D17_QT12	7.10	73	
110	DH71704825	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D17_QT12	7.83	73	
111	DH71704811	Châu Bội	Ngọc	D17_QT12	7.59	79	
112	DH71705269	Nguyễn Thị Cẩm	Như	D17_QT13	7.02	73	
113	DH71704563	Lê Thị Tiểu	Xâm	D17_QT14	7.46	81	

Khoa Kỹ thuật công trình

1	DH81502578	Nguyễn Thị Huế	Anh	D15_XD01	7.22	91	
2	DH81500160	Nguyễn Trọng	Tú	D15_XD01	7.49	94	
3	DH81501390	Lưu Quốc	Luân	D15_XD02	7.68	90	
4	DH81600406	Đặng Minh	Phát	D16_XD03	7.77	75	
5	DH81603733	Lê Minh	Hiếu	D16_XD04	7.22	80	
6	DH81603329	Phạm Quang	Thiện	D16_XD04	7.68	72	

STT	MSSV	Họ tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
7	DH81705254	Phạm Ngọc Thanh	Nguyễn	D17_XD02	8.14	75	
8	DH81702277	Nguyễn Thị Kim	Phượng	D17_XD03	7.84	70	
9	DH81703811	Lê Trọng	Nghĩa	D17_XD04	7.94	85	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2018


HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Cao Hào Thi